

Số: /BC-UBND

Đức Phổ, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Thực hiện Công văn số 508/STP-HC&BTTP ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi việc báo cáo kết quả 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ủy ban nhân dân phường Đức Phổ báo cáo kết quả 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình trên địa bàn phường Đức Phổ như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Ngay sau khi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, UBND phường Đức Phổ đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng quản lý nhà nước tại địa phương. Việc tổ chức thi hành Luật gắn liền với chương trình công tác Tư pháp – Hộ tịch, xây dựng đời sống văn hóa và chương trình phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn.

- Hằng năm, UBND phường đã xây dựng Kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải cơ sở và tiếp cận pháp luật, phối hợp với các ngành, hội đoàn thể tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thông qua các cuộc họp ở chi hội, các tổ dân phố và trên hệ thống loa đài truyền thanh, lồng ghép tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động tiếp công dân, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hoà giải ở cơ sở, trong đó có lồng ghép việc triển khai Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên địa bàn tại 25 tổ dân phố với 2300 người tham gia.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH, ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Kết quả thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

- Tổng số cặp đăng ký kết hôn: 4046 cặp;
- Hòa giải tranh chấp liên quan đến quan hệ hôn nhân và gia đình: 25 vụ;
- Đã ly hôn: 425 trường hợp
- Tình trạng tảo hôn :05 trường hợp

2. Đánh giá ưu điểm, bất cập, vướng mắc của Luật Hôn nhân và gia đình

2.1. Ưu điểm, tác động, vai trò của Luật Hôn nhân và gia đình

- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo bước tiến lớn trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về gia đình ở Việt Nam. Luật không chỉ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, gia đình, mà còn góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế.

- Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội luôn biến đổi, nhiều quan hệ mới phát sinh, việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn nữa Luật HNGĐ là hết sức cần thiết. Qua đó, Luật sẽ tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong việc xây dựng gia đình Việt Nam “no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”.

a) Ưu điểm

- *Hoàn thiện cơ sở pháp lý về hôn nhân và gia đình*

+ Luật 2014 đã kế thừa và phát triển các đạo luật trước, bổ sung những quy định còn thiếu, bảo đảm tính thống nhất với Hiến pháp 2013 và các bộ luật liên quan (Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Nuôi con nuôi...).

+ Khung pháp lý điều chỉnh tương đối toàn diện các quan hệ: Kết hôn, ly hôn, nuôi con nuôi, quan hệ cha mẹ - con, chế độ tài sản vợ chồng, cấp dưỡng...

- *Đề cao nguyên tắc bình đẳng giới, bảo vệ quyền con người*

+ Lần đầu tiên, chế độ tài sản vợ chồng được quy định theo hai hình thức: Theo thỏa thuận và theo luật, mở rộng quyền tự do định đoạt, bảo đảm bình đẳng.

+ Vợ và chồng được công nhận quyền ngang nhau trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; quyền bình đẳng trong quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản.

+ Quyền của trẻ em, đặc biệt trong các vụ việc ly hôn, được đặt làm trọng tâm khi giải quyết tranh chấp.

- *Tăng cường cơ chế bảo vệ nhóm yếu thế*

+ Trẻ em sinh ra ngoài hôn nhân vẫn được pháp luật bảo vệ quyền lợi chính đáng. Phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em được ưu tiên bảo vệ trong các quan hệ hôn nhân, gia đình.

+ Luật nghiêm cấm bạo lực gia đình, cưỡng ép hôn nhân, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- *Bảo đảm tính khả thi bằng hệ thống văn bản hướng dẫn*

+ Các nghị định, thông tư liên quan đã cụ thể hóa nhiều quy định của Luật, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước áp dụng thống nhất.

+ Đặc biệt, các quy định về hộ tịch, tài sản vợ chồng, giải quyết ly hôn có yếu tố nước ngoài đã giúp tháo gỡ vướng mắc thực tiễn.

b) Tác động

- Tác động đến đời sống xã hội

+ Nâng cao ý thức pháp luật: Người dân ngày càng ý thức hơn về quyền, nghĩa vụ trong hôn nhân, giảm dần tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết, bất bình đẳng trong gia đình.

+ Bảo vệ trẻ em tốt hơn: Khi cha mẹ ly hôn, việc ưu tiên quyền lợi của con chưa thành niên đã giúp hạn chế tổn thương tâm lý, bảo đảm trẻ em được nuôi dưỡng, học tập ổn định.

+ Phòng, chống bạo lực gia đình: Luật và văn bản hướng dẫn đã góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa, xử lý hành vi bạo lực, cưỡng ép hôn nhân.

- Tác động đến công tác quản lý nhà nước

+ Hệ thống đăng ký hộ tịch, đăng ký kết hôn, khai sinh, nuôi con nuôi được cải tiến theo hướng minh bạch, công khai, thuận tiện hơn.

+ Các cơ quan Tư pháp, Tòa án, Viện kiểm sát có cơ sở pháp lý thống nhất khi giải quyết tranh chấp, bảo đảm công bằng.

+ Quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài thuận lợi hơn, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- Tác động đến hội nhập quốc tế

+ Thể hiện sự tuân thủ của Việt Nam đối với các công ước quốc tế như CEDAW, CRC, Công ước La Hay về nuôi con nuôi.

+ Tạo cơ chế pháp lý rõ ràng để giải quyết các quan hệ hôn nhân - gia đình xuyên biên giới, bảo vệ quyền lợi công dân Việt Nam ở nước ngoài.

c) Vai trò

- Vai trò pháp lý

Là “luật khung” điều chỉnh toàn bộ lĩnh vực hôn nhân và gia đình, bảo đảm mọi quan hệ nhân thân, tài sản phát sinh trong gia đình đều có cơ sở pháp lý để giải quyết.

- Vai trò xã hội

Góp phần xây dựng gia đình Việt Nam theo chuẩn mực “no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”. Gắn kết cá nhân - gia đình - xã hội, duy trì trật tự, ổn định xã hội.

- Vai trò trong phát triển và hội nhập

+ Đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới, hội nhập, nhất là trong giải quyết quan hệ có yếu tố nước ngoài.

+ Khẳng định hình ảnh Việt Nam là quốc gia tôn trọng quyền con người, thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em.

2.2. Đánh giá bất cập, vướng mắc trong quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về vấn đề cấp dưỡng và mức cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn*

Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình 2014 quy định: “*Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu toà án giải quyết*”. Quy định này bảo đảm tính khả thi của việc cấp dưỡng. Tuy việc tạm ngừng cấp dưỡng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của người được cấp dưỡng nên cần được tòa án xem xét thận trọng và nên quy định theo hướng cho phép tạm ngừng cấp dưỡng khi sự khó khăn về kinh tế là có lý do chính đáng và nên quy định rõ về mức cấp dưỡng tính trên phần trăm thu nhập của người phải cấp dưỡng hoặc lấy mức tiền lương tối thiểu tại từng thời điểm làm định khung để quy định mức cấp dưỡng. Dù người phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng không phải là người có công việc, lương đi chăng nữa thì con cái họ cũng cần được có mức sống tối thiểu. Khi có sự thay đổi về mức lương thì căn cứ vào đó cơ quan thi hành án áp dụng vào từng thời điểm thi hành án thì mới có thể đảm bảo quyền lợi cho người được cấp dưỡng và tránh thiệt thòi cho người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về vấn đề cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn*

+ Ngoài quy định cấp dưỡng cho con, Luật Hôn nhân và gia đình còn có quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn (Điều 115). Tuy nhiên, khác với việc cấp dưỡng nuôi con, cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn được quy định chặt chẽ là người được cấp dưỡng phải là người có khó khăn, túng thiếu và bản thân họ phải có yêu cầu và yêu cầu đó phải có lý do chính đáng... Thế nhưng trên thực tế, quy định này cũng không được thực hiện vì lý do đương sự không biết có quy định như vậy hoặc biết có yêu cầu nhưng bên kia chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chứ không cấp dưỡng cho vợ hoặc chồng. Đây cũng là quy định khó thực hiện thì thiếu chế tài ràng buộc.

+ Từ những bất cập trên có thể thấy, các quy định về cấp dưỡng vẫn còn rất chung chung, thiếu cụ thể. Điều này khiến cho tòa án khi phán xét chỉ còn biết căn cứ và điều kiện thực tế cụ thể của từng trường hợp. Nhưng cũng chính vì lý do đó mà mức cấp dưỡng mỗi nơi mỗi khác nhau. Mặt khác, việc thiếu các chế tài cứng rắn hơn để ràng buộc những người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ của mình cũng như cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác phải có nghĩa vụ hỗ trợ cơ quan tư pháp thực hiện cũng là một cản trở không nhỏ trong quá trình thực hiện

- *Về quy định mang thai hộ*

+ Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 95, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi vợ chồng đang không có con chung*”.

+ Nếu quy định như trên tức là đã hạn chế quyền có con thứ hai, nói cách khác là những người vì lý do nào đó nên không may mắn là chỉ sinh được một

con thì sẽ bị cắt mất quyền được làm cha, làm mẹ của con thứ hai. Trong khi đó, chính sách của Nhà nước khuyến khích mỗi gia đình có một đến hai con.

+ Tại Khoản 3, Điều 95, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Người được nhờ mang thai hộ phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ”*. Theo quy định trên, ai sẽ là người xác nhận, cơ quan nào có đầy đủ tư cách về mặt tư pháp để xác nhận cho người có nhu cầu mang thai hộ?; việc xác nhận này được chứng thực trên những loại giấy tờ gì?... Việc xác nhận người mang thai hộ cùng hàng bên vợ hoặc bên chồng với vợ hay chồng người cần mang thai hộ nếu là trách nhiệm của cơ quan hành chính, vậy thì người ký phải chịu trách nhiệm trước pháp luật như thế nào về việc xác nhận này. Việc xin giấy xác nhận này do vợ hoặc chồng người có nhu cầu mang thai hộ tự lo về mặt thủ tục hành chính hay người mang thai hộ phải làm.

- *Việc áp dụng căn cứ ly hôn để giải quyết các vụ việc ly hôn*

Bất cập trong việc đánh giá tình trạng trầm trọng của hôn nhân trong trường hợp ly hôn theo yêu cầu của vợ hoặc chồng

+ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*.

+ Đây là một quy định mới, mang tính khái quát cao. Tuy nhiên, việc quy định về căn cứ ly hôn thể hiện yếu tố tình cảm vẫn còn chung chung. Khi giải quyết các trường hợp cụ thể, với sự đa dạng của cuộc sống, thì mỗi cặp vợ chồng, mỗi vụ án ly hôn thường có mâu thuẫn cũng như hoàn cảnh không giống nhau. Trong khi đó, không có căn cứ rõ ràng để xác định thế nào là *“làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*, thế nào là hành vi *“vi phạm nghiêm trọng”* nên việc xem xét, đánh giá căn cứ trên là rất khó khăn, vướng mắc.

+ Vì pháp luật quy định không rõ ràng, cụ thể các căn cứ ly hôn, nên thực tiễn xét xử phụ thuộc hoàn toàn vào thẩm phán, có thể cùng một hiện tượng nhưng có nhiều cách lý giải khác nhau, từ đó hướng giải quyết vụ việc cũng khác nhau. Do vậy, cần thiết phải lượng hóa bằng các tiêu chí cụ thể căn cứ ly hôn để áp dụng vào thực tiễn.

+ Trường hợp vợ, chồng đã ly thân trên thực tế. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không quy định ly thân là căn cứ cho ly hôn. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các Tòa án thường đánh giá ly thân là căn cứ để giải quyết cho ly hôn.

Vấn đề này không được luật quy định nên đã gây khó khăn trong cả việc xác định vợ, chồng nào có trong tình trạng ly thân hay không. Mặt khác, không xác

định được thời gian ly thân, nên việc giải quyết án ly hôn thường phải kéo dài khiến cho nhiều đương sự gặp khó khăn trong việc xây dựng cuộc sống mới.

- Trường hợp người vợ hoặc người chồng làm thủ tục ly hôn với người chồng hoặc người vợ đang chấp hành án phạt tù

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa quy định căn cứ ly hôn trong trường hợp vợ hoặc chồng đang chấp hành án phạt tù. Vì vậy, trường hợp vợ hoặc chồng xin ly hôn với chồng hoặc vợ đang chấp hành án phạt tù thì không đủ cơ sở giải quyết cho ly hôn. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đề nghị giải quyết cho ly hôn.

- Tại Điều 88, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng

+ Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

+ Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng

+ Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định

Tuy nhiên, thời gian qua, yêu cầu xác định cha cho con trong trường hợp này thường bị Tòa án từ chối giải quyết hoặc có Tòa án thụ lý, có Tòa án không thụ lý với lý do không có tranh chấp, khiến người dân phải đi lại nhiều lần giữa cơ quan đăng ký hộ tịch và cơ quan Tòa án.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

- Về điều kiện kết hôn

Luật HN&GD quy định tuổi kết hôn của nữ là đủ 18 tuổi, tuổi kết hôn của nam là đủ 20 tuổi, quy định này đảm bảo sự phù hợp về độ tuổi thành niên, độ tuổi có đầy đủ năng lực, hành vi dân sự theo quy định tại Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, mặt khác đã góp phần hạn chế tình trạng tảo hôn, sự bền vững của hôn nhân và gia đình cũng như chất lượng sinh sản. Tuy nhiên, việc quy định tuổi kết hôn chênh lệch của nam và nữ cũng đặt ra vấn đề về bảo đảm bình đẳng giới, về sự đồng bộ với năng lực hành vi dân sự của người thành niên trong Bộ luật Dân sự. Thực tiễn áp dụng quy định về tuổi kết hôn cho thấy tình trạng tảo hôn vẫn diễn ra phổ biến ở khu vực vùng biển, dân tộc thiểu số.

- Về việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

Đối với các trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì những trường hợp này khi có tranh chấp giải quyết cho ly hôn như

các trường hợp có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, trong các giao dịch dân sự như trong giao dịch mua bán, chuyển nhượng, thế chấp, thừa kế trong lĩnh vực đất đai lại yêu cầu người dân phải xuất trình giấy chứng nhận kết hôn. Vấn đề này trên thực tiễn còn nhiều bất cập cần có sự hướng dẫn thống nhất của các văn bản pháp luật để thực thi một cách hiệu quả trong thực tiễn.

- Đường lối giải quyết kết hôn trái pháp luật

Kết hôn trái pháp luật được hiểu là việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng cả hai vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình. Ví dụ tại điểm c, khoản 2, Điều 5 quy định: “*Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ*”. Việc này trên thực tế đã xảy ra khá nhiều ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình vốn đang tốt đẹp, nhưng trên thực tiễn rất khó giải quyết. Trên thực tế đã có một số chế tài xử lý nhưng do sợ ảnh hưởng đến con cái, uy tín gia đình... mà người kia không tố giác, không đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, nên mặc dù có hành vi vi phạm pháp luật nhưng lại không bị xử lý. Thậm chí, có trường hợp cơ quan có thẩm quyền biết thì cũng chỉ dừng lại ở việc nhắc nhở, vận động, khuyên giải mà thôi. Do đó, cần hoàn thiện các quy định của pháp luật, đưa ra cách thức giải quyết kết hôn trái pháp luật có hiệu quả.

- Đại diện giữa vợ chồng, giữa cha, mẹ và con và giữa các thành viên khác của gia đình

Phần quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con còn quá chung chung, không cụ thể. Những quy định đó khó áp dụng trong thực tiễn xét xử. Hiện nay, Tòa án nhận được một số đơn đề nghị của đương sự (ông, bà) về yêu cầu vợ, chồng phải thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con cái khi cả hai vợ chồng đều bỏ mặc không chăm sóc, nuôi dưỡng con của mình khi bị khuyết tật, nhưng rất khó giải quyết. Hiện nay, luật chỉ quy định chung chung, chưa cụ thể và thiếu chế tài, dẫn đến tình trạng đứa trẻ không được cha mẹ chăm sóc, quan tâm mà chưa có chế tài xử lý trường hợp thiếu trách nhiệm.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN

Trong 10 năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội, sự thay đổi mạnh mẽ về nhận thức và quan niệm xã hội, trên địa bàn phường đã xuất hiện nhiều vấn đề mới liên quan đến hôn nhân và gia đình, đòi hỏi công tác quản lý, thi hành pháp luật phải thích ứng và đổi mới. Cụ thể:

1. Gia tăng các hình thức quan hệ ngoài hôn nhân

Xã hội ngày càng phát triển, tư tưởng của giới trẻ được hiện đại hóa và đề cao cái tôi cá nhân, dẫn đến việc sống thử trước hôn nhân ngày càng phổ biến trong giới trẻ. Mặc dù chưa được pháp luật công nhận, tuy nhiên việc này gây ra nhiều hệ lụy về quyền lợi, trách nhiệm đối với con chung khi không đăng ký kết hôn. Tình trạng đẻ con ngoài giá thú tăng lên, dẫn đến khó khăn trong việc đăng

ký khai sinh, nhận cha mẹ, bảo đảm quyền lợi cho trẻ em, nhất là trẻ em đơn thân, trẻ không rõ cha.

2. Tranh chấp quyền nuôi con và tài sản sau ly hôn phức tạp

Ly hôn gia tăng, đặc biệt là tại các vùng đô thị phát triển nhanh, nơi áp lực kinh tế, công việc khiến gia đình dễ xảy ra xung đột. Các vụ tranh chấp về quyền nuôi con, chia tài sản chung gia đình ngày càng đa dạng, phức tạp. Đa phần các trường hợp muôn ly hôn đều đề Tòa đề nghị giải quyết mà không đề nghị hòa giải tại địa phương nên địa phương chỉ biết sau khi có Quyết định của Tòa.

Một số vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, xâm hại phụ nữ – trẻ em ngày càng được phát hiện nhiều hơn, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp.

3. Kết hôn có yếu tố nước ngoài ngày càng tăng

Sự giao lưu kinh tế, xã hội, du lịch biển phát triển mạnh dẫn đến số lượng các trường hợp kết hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài tăng lên rõ rệt.

Việc xác minh điều kiện kết hôn, giấy tờ, cư trú, thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn có yếu tố nước ngoài tại cấp phường còn nhiều khó khăn do mới được phân quyền sau ngày 01/07.

4. Tảo hôn và kết hôn trái pháp luật ở một số vùng dân cư

Mặc dù tảo hôn có xu hướng giảm, tuy nhiên một số trẻ vị thành niên đang học mà có con nên gia đình tổ chức cho đám cưới và sống chung dù chưa đủ tuổi kết hôn vẫn xảy ra. Việc xử lý các trường hợp này gặp khó khăn do người dân né tránh, ngại tiếp xúc với chính quyền.

5. Sự thay đổi về vai trò và mô hình gia đình

Gia đình truyền thống đa thế hệ dần được thay thế bởi gia đình hạt nhân hoặc gia đình đơn thân, nhiều gia đình có người già neo đơn không được chăm sóc đầy đủ. Xu hướng người dân quan tâm hơn đến quyền bình đẳng giới, nhưng thực tế vẫn còn nhiều rào cản về nhận thức, đặc biệt trong phân chia tài sản, trách nhiệm nuôi con, chăm sóc người già.

6. Các vấn đề phát sinh liên quan đến công nghệ số và mạng xã hội

Việc phát tán thông tin cá nhân, hình ảnh gia đình trên mạng xã hội gây ra các vấn đề về đời sống riêng tư, xung đột gia đình và có thể dẫn đến tranh chấp, thậm chí bạo lực gia đình.

Xu hướng sử dụng dịch vụ đăng ký hộ tịch trực tuyến tăng lên, nhưng trình độ và hạ tầng kỹ thuật tại cấp xã chưa đồng bộ, dẫn đến một số trường hợp sai sót trong quá trình nộp hồ sơ trực tuyến.

7. Quan hệ hôn nhân đồng giới và chuyển giới

- Luật hiện nay không thừa nhận hôn nhân đồng giới nhưng cũng không cấm. Thực tế, nhiều cặp đôi đồng tính sống chung như vợ chồng, phát sinh quan hệ về tài sản, nuôi con nuôi, quyền thừa kế, gây khó khăn cho công tác quản lý và giải quyết khi có tranh chấp xảy ra.

- Vấn đề chuyển đổi giới tính cũng đặt ra nhiều vướng mắc: Xác định lại giới tính trong hôn nhân, quyền kết hôn sau khi chuyển giới.

V. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP ĐỂ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH, HOÀN THIỆN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu, cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật, kỹ năng xử lý tình huống phức tạp như tranh chấp ly hôn, đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài, xử lý các trường hợp tảo hôn.

- Phát triển đội ngũ hòa giải viên chuyên nghiệp, có kỹ năng hòa giải các tranh chấp hôn nhân, gia đình, bạo lực gia đình, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng.

- Phối hợp với các trường học, tổ chức xã hội để lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, giới tính, tâm lý học đường, nhận thức pháp luật về hôn nhân và gia đình cho học sinh, sinh viên để các em có biện pháp bảo vệ bản thân, sức khỏe sinh sản và hạn chế tình trạng tảo hôn, sống thử trước hôn nhân.

- Quy định cụ thể hơn về quan hệ sống chung không đăng ký kết hôn; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của phụ nữ và trẻ em trong các trường hợp này.

- Bổ sung hành vi ngoại tình vào Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình là căn cứ ly hôn để phù hợp với thực tiễn;

- Cụ thể hóa quy định về hành vi bạo lực gia đình làm căn cứ cho ly hôn.

Trên đây là báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Kính báo cáo Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp ;
- Chủ tịch, các PCT UBND ;
- Văn phòng HĐND và UBND;
- Lưu: VT, VP_{Như}.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải